

Câu 1. Chữ cái phù hợp để điền vào các từ sau là chữ:

...ay ...ura, ...óng sánh, sùng ...ững.

Trả lời: Chữ cái phù hợp là chữ

Câu 2. Chữ cái phù hợp để điền vào các từ sau là chữ:

.....ương xương,anh xanh,inh xắn.

Trả lời: Chữ cái phù hợp là chữ

Câu 3. Chữ cái phù hợp để điền vào các từ sau là chữ:

.....ỏ rá,íu rít,âm ran.

Trả lời: Chữ cái phù hợp là chữ

âu 4. Điền vào chỗ trống trong câu: Trẻ như búp trên cành.

Câu 5. Điền vào chỗ trống trong câu: Công, nghĩa mẹ, ơn thầy.

Câu 6. Điền vào chỗ trống trong câu: Trường mái ngói đỏ tươi.

Câu 7. Điền vào chỗ trống trong câu: Mặtăng tròn vành vạnh.

Câu 8. Điền vào chỗ trống trong câu: Đấtước Việt Nam tươi đẹp.

Câu 9. Điền vào chỗ trống trong câu:

Thức khuya dậy sớm chuyên cần

Quạt nồng ấp lạnh giữ phần đạo

Câu 10. Chữ cái phù hợp để điền vào các từ sau là chữ:.

.....ịu dàng,ậpdênh.

Trả lời: Chữ cái phù hợp là chữ

Câu 11: Điền chữ cái phù hợp vào chỗ trống:

“líuíu,ăng lợi, conồng.”?

Trả lời: Chữ cái phù hợp là chữ

Câu 12: Điền chữ phù hợp vào chỗ trống:

“Khi em bé khóc

Anh phải dỗ dành

Nếu em bé ngã

Anhâng dịu dàng.”

(Làm anh - Phan Thị Thanh Nhàn)

Câu 13: Giải câu đố:

“Con gì bạn của nhà nông
Sừng to chân khỏe quanh năm cày bừa.”

Trả lời: conâu.

Câu 14: Điền chữ phù hợp vào chỗ trống:

“mặtời,èo cây,ùng điệp.”

Trả lời: Chữ phù hợp là chữ.....

Câu 15: Điền vần phù hợp vào chỗ trống: “Điều h..... lẽ phải.”

Câu 16: Chọn vần phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu thơ:

“Bố cho quà nhiều thế
Vì biết em rất ng.....
Vì em luôn giúp bố
Tay súng thêm vững vàng.”

(Quà của bố - Phạm Đình Ân)

Câu 17: Điền r; d hay gi vào chỗ trống: “Trồng cây gâyùng.”

Câu 18: Điền vần phù hợp vào chỗ trống:

“Thức kh..... dậy sớm chuyên cần
Quạtồng áp lạnh giữ phần đạo con.”

Câu 19: Điền vần phù hợp vào chỗ trống:

“Có ngàn tiaáng nhỏ
Đi học sáng hôm nay
Có trăm trangách mở
Xòe như cánh ch..... bay.”

(Sáng nay- Thy Ngọc)

Bài 3. Chọn đáp án đúng:

Câu 1. Chữ nào sau đây sai chính tả?

a. ghi b. gha c. ghé d. ghe

Câu 2. Trong các từ sau, từ nào phù hợp với chỗ trống của câu ca dao?

Con người có tổ, có tông.

Như cây có ..., như sông có nguồn

a. cội b. rễ c. gốc d. ngọn

Câu 3. Trong các từ sau, từ nào phù hợp với chỗ trống của bài đồng dao?

Cái Bống là cái bống bang

Khéo, khéo sàng cho mẹ nấu cơm

- a. xảy b. sảy c. vảy d. trảy

Câu 4. Từ nào còn thiếu trong đoạn thơ sau:

Chị tre chải tóc bên ao.

Nàng mây áo trắng.... soi gương?

- a. ghé vào b. chạy vào c. bước vào d. đi vào

Câu 5. Từ nào sau đây không có 2 chữ n?

- a. mãi mê b. no nê c. nền nã d. nóng nảy

Câu 6. "Hương rừng thơm đồi vắng

Nước suối trong thâm thi

Cọ xoe ô che nắng

Râm mát đường em đi."

Nhà thơ nào đã viết những câu thơ trên?

- a. Trần Đăng Khoa b. Phan Thị Thanh Nhàn
c. Minh Chính d. Phạm Hồ

Câu 7. Cụm từ nào dưới đây có thể ghép với cụm từ "Trường học" để được câu có nghĩa phù hợp?

- a. rất hạnh phúc b. là học sinh lớp 1
c. nước trong xanh d. là ngôi nhà thứ hai

Câu 8. Từ nào còn thiếu trong đoạn thơ sau:

Hoa cà tím tím.

Hoa mướp vàng vàng.

Hoa lựu ...

Đỏ như đóm lửa ?

- a. Rực rỡ b. hồng hào c. xanh biếc d. chói chang

Câu 9. Từ nào còn thiếu trong câu sau: Giọt sương ...như một viên ngọc.

- a. lệt lệt b. lấp lánh c. lập lòe d. lấp ló

Câu 10. Chữ nào sau đây sai chính tả?

- a. kì b. kế c. ké d. kam

Câu 11. Những tiếng nào có chứa vần “ương” trong khổ thơ:

“Hôm qua em tới trường
Mẹ dắt tay từng bước
Hôm nay mẹ lên nương
Một mình em tới lớp.”

(Đi học - Minh Chính)

a. trường, bước b. trường, nương c. nương, lớp d. nương, nay

Câu 12. Từ nào khác với các từ còn lại?

a. anh trai b. em gái c. thầy giáo d. ông nội

Câu 13. Chọn vần phù hợp điền vào chỗ trống trong khổ thơ:

“Cùng soạn sửa
Đón tr.... lên
Quạt mát thêm
Hơi biển cả”

(Mời vào - Võ Quảng)

a. ăng b. ăn c. anh d. âng

Câu 14. Từ nào khác với các từ còn lại?:

a. con vịt b. con trâu c. con mèo d. em bé

Câu 15. Từ nào viết sai chính tả?

a. giục già b. đông bão c. dạt dào d. già dặn

Câu 16: Chọn chữ phù hợp điền vào chỗ trống trong câu thơ:

“Chị tre chải tóc bên ao.

Nàng mây áo trắngé vào soi gương?” (Trần Đăng Khoa)

a. g b. ng c. gh d. ngh

Câu 17: Ngược với “cũ” là gì?

a. xấu b. mới c. lâu d. đẹp

Câu 18: Từ nào không có hai chữ “n”?

a. nóng nảy b. nền nã c. no nê d. mãi mê

Câu 19: Những tiếng nào chứa vần “en” trong câu: “Bé men theo bờ đê để đến đầm sen ở ven làng.” ?

a. bé, đê, đến b. men, theo, đến
c. men, sen, ven d. ven, sen, làng

Câu 20: Ngược với “nóng” là gì?

- a.bông b.mưa c. lạnh d.nắng

câu 21. Chọn từ phù hợp điền vào chỗ chấm: Bịt mắt bắt

Câu 22. Chọn từ phù hợp điền vào chỗ chấm: Con cóc làông giò.

Câu 23. Chọn từ phù hợp điền vào chỗ chấm: Chậm nhưùa.

Câu 24. Chọn từ phù hợp điền vào chỗ chấm: Conua tám cẳng hai càng

Câu 25. Trong các từ sau, từ nào có vần “ươu”?

- A. lười biếng B. hươu sao C. bưu điện D. đêm khuya

Câu 26. Từ nào viết đúng chính tả?

- A. quần đùi B. quần sóc C. quần soóc D. quần bộ

Câu 27. Từ nào có vần “ươu”?

- A. riêu cua B. thừa thớt C. mưu trí D. gửi gắm

Câu 28. Từ nào viết đúng chính tả?

- A. khắp khiễn B. ngóc ngách C. lưu liến D. sột xoạt

Câu 29. Từ nào khác với các từ còn lại?

- A. thước kẻ B. bút chì C. quyển sách D. xe buýt

Câu 30. Chọn từ phù hợp

Ông trời nổi lửa đằng đông

Bà sân vận chiếcăn hồng đẹp thay. (Trần Đăng Khoa)

- A. th B. ng C. kh D. nh

Câu 31. Cụm từ nào dưới đây có thể ghép với từ “cô giáo” để được câu có nghĩa phù hợp?

- A. rất đông vui B. như mẹ hiền C. trời quang đãng D. đang học mầm non

Câu 32. Ngược với “vắng” là gì?

- A. ít B. thừa C. đông D. gần

Câu 33. Từ nào viết sai chính tả?

- A. trong trẻo B. ngó nghiêng C. khe khẽ D. rong ruổi

Câu 34. Giải câu đố:

Con gì tuy bé

Mà biết lo xa

Tha thức ăn về nhà

Phòng khi trời mưa bão? Là con gì?

Trả lời: Coniến.

Câu 35. Giải câu đố:

Mùa gì ẩm áp
Mưa phùn nhẹ bay
Khắp chốn cỏ cây
Đâm chồi nảy lộc?

Trả lời: mùauân.

Câu 36. Điền vần thích hợp:

Dù ai nói ngả nói ngh.....

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân

A. iên B. iêng C. yêng D. ên

Câu 37. Cái gì cao lớn lênh khênh

Đứng mà không tựa, ngã kênh ngay ra?

A. cái gậy B. cái thang C. cái áo D. cái chậu

Câu 38. Từ nào dưới đây khác với từ còn lại?

A. con gà B. con lợn C. con tem D. con cá

Câu 39. Giải câu đố:

Hạt gì nhỏ nhỏ
Trong trắng, ngoài vàng
Xay, giã, giần, sàng
Nấu thành cơm dẻo? (Là hạt gì?)

A. hạt ngô C. hạt thóc C. hạt vừng D. hạt đậu

Câu 40. Giải câu đố:

Tôi là một giống bò ngang
Nếu thêm dấu hỏi, bạc vàng trong tay.

Từ để nguyên là từ:.....ua

Câu 41. Giải câu đố:

Đề nguyên tên một loài chim
Bỏ sắc thường thấy ban đêm trên trời- Là chữ gì?

Trả lời:ao.

Câu 42. Thuộc đấngtật.

Câu 43. Cây ngay không sợ chết

Câu 44. Cầu đượcthấy

Câu 45. Ướcđược vậy.

- Câu 46.** Ước của trái
- Câu 47.** Đứng núi nàyông núi nọ.
- Câu 48.** Có công mài sắt, có ngàyên kim.
- Câu 49.** Thua keo này, bàyeo khác.
- Câu 50.** Người cóí thì nên.
- Câu 51.** Nhà cóền thì vững.
- Câu 52.** Dù ai câu chạch câumặc ai.
- Câu 53.** Chơicó ngày đứt tay
- Câu 54.** Nhường cơmáo.
- Câu 55.** Hiềnbụt.
- Câu 56. Giữcọp
- Câu 57. Anh em hòa thuận hai thân vui
- Câu 58. Đầu năm gió to, cuối năm gió.....
- Câu 59. Kính thầybạn.
- Câu 60. Nước chảymòn.
- Câu 61. Lời hayđẹp
- Câu 62. Xấu ngườinết.
- Câu 63. Trên kínhnhường.
- Câu 64. Mưa thuậnhòa.
- Câu 65. Đất lànhđậu
- Câu 66. Máu chảymềm
- Câu 67. Chân lấmbùn.
- Câu 68. Trọng nghĩatài.
- Câu 69. Hẹp nhàbụng.
- Câu 70. Có chí thì
- Câu 71. ở chọn nơi, chơi chọn